

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**  
**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**  
**Mã hồ sơ: .....**



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống: )

Đối tượng đăng ký: Giảng viên  ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Kinh tế; Chuyên ngành: Quản lý kinh tế

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: TRẦN THỊ HOÀNG MAI

2. Ngày tháng năm sinh: 22/04/1979; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): phường Nghi Hải, Thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Khối 3, Phường Bến Thủy, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Trần Thị Hoàng Mai, số 93, đường Phong Định Cảng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Điện thoại di động: 0917118846.

E-mail: [hoangmaikt@gmail.com](mailto:hoangmaikt@gmail.com)/ [maitth@vinhuni.edu.vn](mailto:maitth@vinhuni.edu.vn)

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 9 năm 2003 đến tháng 9 năm 2008: Giảng viên Bộ môn Kinh tế, Khoa Kinh tế, Trường Đại học Vinh.

*Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước*

Từ tháng 9 năm 2008 đến tháng 9 năm 2011: Giảng viên, Trưởng Bộ môn Kinh tế, Khoa Kinh tế, Trường Đại học Vinh.

Từ tháng 9 năm 2011 đến tháng 9 năm 2013: Giảng viên, Trưởng Bộ môn Kinh tế đầu tư, Khoa Kinh tế, Trường Đại học Vinh.

Từ tháng 9 năm 2013 đến tháng 5 năm 2016: Giảng viên, Trưởng Bộ môn Quản lý kinh tế, Khoa Kinh tế, Trường Đại học Vinh.

Từ tháng 5 năm 2016 đến tháng 9 năm 2021: Giảng viên, Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế, Trường Đại học Vinh.

Từ tháng 9 năm 2021 đến tháng 11 năm 2022: Giảng viên, Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh.

Từ tháng 11 năm 2021 đến tháng 3 năm 2022: Giảng viên, Phó Bí thư Chi bộ, Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh.

Từ tháng 3 năm 2022 đến nay: Giảng viên, Phó Bí thư Chi bộ, Phó Trưởng Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh.

Chức vụ: Hiện nay: Phó Bí thư Chi bộ, Phó Trưởng Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Bộ môn

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh, thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Địa chỉ cơ quan: số 182 đường Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Điện thoại cơ quan: 0238 3855452-202

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu từ tháng .....năm .....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): .....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): .....

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 22 tháng 03 năm 2002; số hiệu bằng B386588, số vào sổ 9393; ngành: Kinh tế đối ngoại, chuyên ngành: Kinh tế đối ngoại; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 10 tháng 05 năm 2011; số văn bằng: 178-K16, No. A007829; ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Kinh tế thế giới và Quan hệ kinh tế quốc tế; Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 12 tháng 04 năm 2016; số văn bằng: HT-000088, số vào sổ cấp bằng 88-16/QK; ngành Kinh tế học, chuyên ngành Quản lý kinh tế; Nơi cấp bằng TS: Học viện Khoa học xã hội, Việt Nam

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Vinh

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Kinh tế

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- **Quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư phát triển:** Nghiên cứu về thu hút đầu tư vào các khu kinh tế, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Nghiên cứu hoạt động xúc tiến đầu tư ở Nghệ An trong thời kỳ hội nhập; Nghiên cứu về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài để phát triển kinh tế Nghệ An, đặc biệt trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0; Nghiên cứu về vai trò và hiệu quả của nguồn vốn đầu tư công ở Việt Nam, những kinh nghiệm trong quản lý đầu tư công của một số quốc gia; Nghiên cứu về hiệu quả đầu tư công trên địa bàn tỉnh nghệ An, trong đó đánh giá hiệu quả đầu tư công trên góc độ tổng hợp, toàn diện với các đánh giá trên cả 3 khía cạnh: hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội và hiệu quả về môi trường, tìm kiếm các giải pháp để giải pháp đổi mới tư duy, tăng cường quản lý đầu tư công và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công ở Nghệ An; Nghiên cứu về đầu tư của nhà nước cho giáo dục và đào tạo.

- **Quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa:** Nghiên cứu về sự đổi mới quản lý nhà nước đối với phát triển kinh tế tư nhân; Nghiên cứu về phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam, mối liên hệ giữa môi trường kinh doanh, tăng trưởng GDP và lựa chọn tài chính của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, tác động của cam kết của tổ chức đối với động lực của người lao động, tác động của quản lý nguồn nhân lực đến hiệu quả tài chính của các doanh nghiệp, tác động của cam kết của tổ chức đối với động lực của người lao động, đánh giá hoạt động của doanh nghiệp. Nghiên cứu về vai trò của tìm hiểu, khai thác cơ hội và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với hiệu quả sản xuất kinh doanh bền vững; Nghiên cứu về tác động của lợi thế cạnh tranh đối với hiệu quả tài chính trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- **Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn:** Nghiên cứu về sự phát triển kinh tế nông nghiệp ở Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, đặc biệt là sự phát triển bền vững của ngành nông nghiệp trước những biến đổi thường xuyên, khó lường về khí hậu; Nghiên cứu các hoạt động xuất khẩu các hàng hóa nông sản chủ lực của các địa phương; Nghiên cứu về phát triển kinh tế hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông sản, dược liệu; Nghiên cứu về phát triển sinh kế cho người dân miền núi; phát triển du lịch nông thôn gắn với bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa vùng miền; quản lý đất đai trong quá trình đô thị hóa, tăng cường xuất khẩu lao động; Nghiên cứu về vai trò của đầu tư theo quan hệ đối tác công tư và đổi mới sinh thái trong việc cải thiện môi trường.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn **09** HVCH bảo vệ thành công luận văn Thạc sĩ và được cấp bằng;

- Đã hoàn thành **03** đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên, cụ thể:

+ Chủ nhiệm **01** đề tài NCKH trọng điểm cấp Trường đã hoàn thành nghiệm thu (2018), đạt loại Đạt;

+ Chủ nhiệm **02** đề tài NCKH cấp Trường đã hoàn thành nghiệm thu (2010/2012),

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

đạt loại Tốt;

- Đã công bố (số lượng): **38** bài báo khoa học, trong đó có **12** bài trên tạp chí quốc tế có uy tín và **02** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế thường;

- Số lượng sách đã xuất bản: **06** được xuất bản tại các nhà xuất bản uy tín, có chỉ số ISBN (NXB Thống kê, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, NXB Đại học Vinh, Lap Lambert Academic Publishing);

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): .....

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng, cơ quan ban hành quyết định
2014	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về “ <i>Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2013-2014</i> ”	Quyết định số 5867 /QĐ-BGDĐT ngày 12/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
2021	Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về “ <i>Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2020-2021</i> ”.	Quyết định số 599/QĐ-ĐHV ngày 18/3/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh
2022	Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh Nghệ An về “ <i>Đã có nhiều thành tích trong học tập và rèn luyện</i> ”.	Quyết định số 287a/QĐ-TCT ngày 05/5/2022 của Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh Nghệ An.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không có.

## **B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ**

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Về tiêu chuẩn:

- Có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức tốt, luôn gương mẫu chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật; thực hiện đúng nội quy, quy chế của cơ sở giáo dục đại học công lập và các quy định pháp luật của ngành.

- Luôn tâm huyết, tận tụy với sự nghiệp giáo dục - đào tạo, với đất nước, quê hương, không ngại khó khăn đi sâu nghiên cứu các vấn đề cấp thiết của ngành chuyên môn nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu của xã hội, chú trọng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của người học, đồng nghiệp và cộng đồng.

- Luôn giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự nhà giáo; đối với đồng nghiệp luôn có tinh thần đoàn kết, tôn trọng và sẵn sàng hợp tác; đối với người học luôn nhiệt tình, thân thiện, công bằng trong giảng dạy và đánh giá, có ý thức tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí.

- Được đào tạo đạt trình độ chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ; không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; có tinh thần học hỏi, cầu thị, có ý thức sáng tạo, chủ động đồng thời có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao;

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp, lý lịch bản thân rõ ràng, trung thực.

Về nhiệm vụ của nhà giáo: Đáp ứng đầy đủ các quy định về thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và nghiên cứu khoa học, cụ thể:

- Về giờ chuẩn giảng dạy: Tôi đã tham gia giảng dạy bậc đại học, thạc sĩ, tham gia hướng dẫn luận văn thạc sĩ cho học viên cao học, hiện đang tham gia hướng dẫn luận án tiến sĩ cho nghiên cứu sinh. Về số giờ giảng luôn đạt và vượt định mức giảng dạy trong suốt gần 19 năm giảng dạy tại trường Đại học Vinh, bình quân 6 năm gần nhất là 345 giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp/năm học, tương đương 484,83 giờ quy đổi/năm học.

- Về nghiên cứu khoa học: Đối với giờ/sản phẩm nghiên cứu khoa học luôn đạt và vượt định mức NCKH, đáp ứng đầy đủ theo điều 7, Thông tư 47/2014/TT-BGD&ĐT và điều 5 Thông tư 20/2020/TT-BGD&ĐT của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 18 năm 9 tháng

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2016-2017			0		225	90	315/455.4/270
2	2017-2018			2		270	90	360/504.9/270
3	2018-2019			2		225	135	360/514.8/270
03 năm học cuối								
4	2019-2020			2		180	180	360/554.4/270
5	2020-2021			2		180	180	360/465.92/270
6	2021-2022			0		225	90	315/411.16/270

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Trường Đại học Vinh, số hiệu bằng: 191294; số vào sổ cấp bằng: 16/51E1-DHV năm cấp: 2012.

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

d) Đối tượng khác  ; Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

- Chứng chỉ Tiếng Anh cấp độ B2 Khung tham chiếu châu Âu: số hiệu 12B2 1272, ngày 11/10/2012, Trường Đại học Hà Nội.

- Chứng chỉ Tiếng Anh cấp độ B2 Khung tham chiếu châu Âu: số hiệu TA-B2/0004496, số vào sổ cấp chứng chỉ: 2016/702/QĐ - ĐHV/06 ngày 16/05/2016, Trường Đại học Vinh.

- Giấy chứng nhận hoàn thành khóa Bồi dưỡng nâng cao năng lực Ngoại ngữ dành cho giảng viên giảng dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh theo đề án Ngoại ngữ 2020, số vào sổ 533/HUFL-12/2017, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế (bậc 4- tương đương B2).

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Vũ Thị Hằng		HVCH	X		2017-2018	Trường Đại học Vinh	05/10/2018
2	Nguyễn Mạnh Hùng		HVCH	X		2017-2018	Trường Đại học Vinh	05/10/2018
3	Trần Quang Hải		HVCH	X		2018-2019	Trường Đại học Vinh	30/08/2019
4	Võ Bá Hiếu		HVCH	X		2018-2019	Trường Đại học Vinh	30/08/2019
5	Trần Bích Phượng		HVCH	X		2019-2020	Trường Đại học Vinh	15/09/2020
6	Nguyễn Vinh Đạt		HVCH	X		2019-2020	Trường Đại học Vinh	15/09/2020
7	Trần Thế Anh		HVCH	X		2020-2021	Trường Đại học Vinh	05/11/2021
8	Đình Văn Quang		HVCH	X		2020-2021	Trường Đại học Vinh	05/11/2021
9	Lô Thị Hồng		HVCH	X		2020-2021	Trường Đại học Vinh	05/11/2021

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						

1	Giáo trình Lịch sử kinh tế Việt Nam và nước ngoài	GT	Nhà xuất bản Thống kê, năm 2009	2			Văn bản xác nhận sử dụng sách số 752/ĐHV-TV
2	Giáo trình Kinh tế quốc tế	GT	Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội, 2014	3	X	Chương 1 (từ trang 11 – 43); Chương 2 (từ trang 44 – 102); Chương 6 (từ trang 245 – 285)	Văn bản xác nhận sử dụng sách số 753/ĐHV-TV
<b>II Sau khi được công nhận TS</b>							
1	Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế	GT	Nhà xuất bản Đại học Vinh, 2019	5	X	Chương 6 (từ trang 201 – 240); Chương 7 (từ trang 241 – 282)	Văn bản xác nhận sử dụng sách số 754/ĐHV-TV
2	Giáo trình Kinh tế phát triển nâng cao	GT	Nhà xuất bản Đại học Vinh, 2010	5		Chương 5 (từ trang 187 – 232); Chương 6 (từ trang 233 – 257)	Văn bản xác nhận sử dụng sách số 755/ĐHV-TV
3	Giáo trình Phân tích chính sách kinh tế xã hội	GT	Nhà xuất bản Đại học Vinh, 2010	4		Chương 6 (từ trang 257 – 317)	Văn bản xác nhận sử dụng sách số 757/ĐHV-TV
4	Livelihood Capital and Poverty of The Regional People Depending on Forestry: Experimental Research in Vietnam	TK	Lap Lambert Academic Publishing, 2021	5			Văn bản xác nhận sử dụng sách số 756/ĐHV-TV

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
<b>I Trước khi được công nhận TS</b>					
1	Một số giải pháp nhằm đẩy mạnh xuất khẩu chè của tỉnh Nghệ An giai đoạn 2010-2020	CN	Mã số T2010-55; Đề tài KHCN cấp Trường	Từ tháng 1 đến tháng 12 năm 2010	Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 17/12/2010 Xếp loại: Tốt
2	Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về xuất khẩu thủy sản ở tỉnh Nghệ An giai đoạn 2011-2015	CN	Mã số T2012-26; Đề tài KHCN cấp Trường	Từ tháng 1 đến tháng 12 năm 2012	Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 19/12/2012 Xếp loại: Tốt

II		Sau khi được công nhận TS			
1	Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức chung quản trị theo tiếp cận CDIO	CN	Mã số T2018-48ĐT, Đề tài KHCN cấp Trường (trọng điểm)	Từ tháng 1/2018 đến tháng 7 năm 2019	Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 16/07/2019 Xếp loại: Đạt.

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tạp, số, trang	Tháng, năm công bố
I Trước khi được công nhận TS								
1	Một số giải pháp nhằm phát huy lợi thế trong sản xuất và chế biến chè của tỉnh Nghệ An	1	X	Tạp chí Kinh tế châu Á Thái Bình Dương, ISSN 0868-3808			Số 308 (6/2010), tr. 42-45	6/2010
2	Lạc nhân Nghệ An: hướng đi nào cho xuất khẩu bền vững?	1	X	Tạp chí Kinh tế châu Á Thái Bình Dương, ISSN 0868-3808			Số 340 (9/2011), tr. 38-42	9/2011
3	Một số nhận định về mô hình tăng trưởng kinh tế của Việt Nam hiện nay	1	X	Tạp chí Kinh tế châu Á Thái Bình Dương, ISSN 0868-3808			Số 363 (5/2012), tr. 38-42	5/2012
4	Thu hút đầu tư vào các khu kinh tế, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An	2	X	Tạp chí Kinh tế & Phát triển, ISSN 1859-0012			(Số 180), tr. 65-70.	6/2012
5	Quản lý nhà nước đối với xuất khẩu thủy sản của tỉnh Nghệ An: thực trạng và giải pháp	1	X	Tạp chí Kinh tế châu Á Thái Bình Dương, ISSN 0868-3808			Số 384, tr. 37-42.	12/2012
6	Nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư ở Nghệ An trong thời kỳ hội nhập quốc tế	1	X	Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương, ISSN 0868-3808			(Số 368), tr. 36-39	6/2012
7	Nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội: cần sự gắn	01	x	Báo cáo khoa học Hội thảo “Nâng cao chất lượng đào tạo			Tháng 3/2013, tr. 159-163	3/2013



	kết giữa nhà trường và doanh nghiệp			các ngành kinh tế đáp ứng nhu cầu xã hội”, NXB Đại học Vinh (ISBN: 978-604-923-039-4)				
8	Một số kinh nghiệm quốc tế và Việt Nam trong quản lý đầu tư công	1	X	Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương, ISSN 0868-3808			(Số 424), tr. 43-46.	4/2014
9	Đầu tư công ở Việt Nam: mười năm nhìn lại	1	X	Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương, ISSN 0868-3808			(Số 439), tr. 43-46	12/2014
10	Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Nghệ An	1	X	Tạp chí Kinh tế châu Á Thái Bình Dương, ISSN 0868-3808			(Số 03/2015), tr. 47-50.	3/2015
11	Tăng cường quản lý nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư công ở Nghệ An	1	X	Tạp chí Kinh tế và Dự báo, ISSN 0866-7120			(Số 04/2015), tr. 6-8	4/2015
12	Hiệu quả đầu tư công trên địa bàn tỉnh Nghệ An: thực trạng và một số khuyến nghị	1	X	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, ISSN 0866-7489			(Số 445), tr. 53-61.	6/2015
<b>II</b> Sau khi được công nhận TS								
13	Tăng cường thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài để phát triển kinh tế Nghệ An	1	X	Tạp chí Kinh tế và Dự báo, ISSN 0866-7120			số 17 (657), tr. 82-84	6/2017
14	Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam: thực trạng và một số khuyến nghị	1	X	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “Xu hướng phát triển của lao động trong các loại hình doanh nghiệp ở Việt Nam”, ISBN 978-604-907-135-5			Tháng 9/2017, tr. 194-200	9/2017
15	Nâng cao chất lượng xuất khẩu lao động ở tỉnh Nghệ An	3		Tạp chí Kinh tế và Dự báo, ISSN 0866-7120			số 18 (694), tr.198-201	2018
16	Innovating state management of land in Nghean province in the urbanization process	2	X	The 7th International Conference on Sciences and Social Sciences 2017: “Innovative			11-12 January 2018 at Rajabhat Maha Sarakham University,	1/2018

				Research for Stability, Prosperity and Sustainability”			Thailand Page No. 453-464	
17	Vietnam's agriculture towards sustainable development: opportunities, challenges and solutions in the context of international economic integration nowadays	2	X	South East Asia Journal of Contemporary Business, Economics and Law, ISSN 2289-1560		8	Vol. 15, Issue 6 (April), Page No. 21-28.	4/2018
18	Quản lý nhân lực tại trường Tiểu học Hùng Vương: Thực trạng và giải pháp	2	X	Tạp chí Kinh tế châu Á – Thái Bình Dương, ISSN 0868-3808			số 539, tháng 4 – 2019, tr.69-71	4/2019
19	Đổi mới quản lý để phát triển kinh tế tư nhân: Thực trạng và một số khuyến nghị	3	X	Tạp chí Công Thương, ISSN 0866-7756			số 5, tháng 4 – 2019, tr.70-75.	4/2019
20	Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh Nghệ An nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế	3		Tạp chí Kinh tế châu Á – Thái Bình Dương, ISSN 0868-3808			số 542, tháng 6 – 2019, tr.25-27	6/2019
21	The impact of manager’s emotional intelligence on performance: The case of Vietnam	5		Management Science Letters, P. ISSN: 1923-9335, E. ISSN: 1923-9343	Scopus (IF: 0.76, Q2)	3	Volume 10 Issue 10 pp. 2201-2210	2020
22	Tăng cường thu hút FDI vào tỉnh Nghệ An trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0	2	X	Tạp chí Công Thương, ISSN 0866-7756			số 8, tháng 4 – 2020, tr.95-100.	4/2020
23	The Impact of Human Resource Management on the Financial Performance of Listed Firms in Vietnam	5		International Journal of Innovation, Creativity and Change, ISSN 2201-1323	Scopus (IF:0.42, Q2)	1	Volume 12, Issue 10, 2020, Page No.26-37.	2020
24	The Impact of Organizational Commitment on Employee Motivation: A Study in Vietnamese Enterprises	6		The Journal of Asian Finance, Economics and Business, Print ISSN: 2288-4637 / Online ISSN 2288-4645	Scopus (IF: 0.845, Q3)	32	Vol.7 No.6 (2020), Page No. 439-447	2020

25	Evaluation of the Firm Performance: Evidence from Food Firms Listed in the Hanoi Stock Exchange	3	X	Journal of Economics, Finance and Management Studies, ISSN (print): 2644-0490, ISSN (online): 2644-0504		1	Volume 3 Issue 08 August 2020, Page No. 111-116	8/2020
26	The Influence of Competitive Advantage on Financial Performance: A Case Study of SMEs in Vietnam	4	X	Journal of Asian Finance, Economics and Business, Print ISSN: 2288-4637/ Online ISSN 2288-4645	Scopus (IF: 0.845, Q3)	13	Vol 8, No 5 (2021), Page No. 0335-0343	2021
27	Assessment Of International Tourist's Satisfaction with Service Quality at Tam Coc – Bich Dong In Ninh Binh Province, Vietnam.	3	X	Journal of Law and Political Sciences, P. ISSN 2222-7288 E. ISSN 2518-5551	ISI, IF: 1.451		Vol. 29, issue 4- 2021, Page No. 229-250.	2021
28	Factors affecting decision and willingness to pay to connect to pipe water of households a case study in vietnam	7	X	Academy of Strategic Management Journal, P.ISSN: 1544-1458, E.ISSN: 1939-6104	Scopus (IF: 1.032, Q3)		Volume 20, Special Issue 6, 2021, Page No. 1-15	2021
29	Tiềm năng tự nhiên, kinh tế - xã hội của tỉnh Đắk Nông ảnh hưởng đến phát triển sản xuất sản phẩm từ cây dược liệu	1	X	Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương, ISSN 0868-3808			Số 612, tr.46-48	12/2021
30	The role of public-private partnership investment and eco-innovation in environmental abatement in USA: evidence from quantile ARDL approach	6		Environmental Science and Pollution Research, ISSN: 0944-1344	ISI (SCIE) + Scopus (IF: 4.089, Q1)	3	Volume 29, Page No. 12164-12175	2022
31	The Role of Opportunity Exploration, Exploitation and Corporate Social Responsibilities on Sustainable	7	X	Studies of Applied Economics (Estudios de Economia Aplicada), ISSN: 1133-3197	Scopus (IF: 0.918, Q4)		Volume 40-1, January 2022, Page No. 1-20	1/2022

	Manufacturing Business Performance in Mekong River Delta							
32	State investment in education and training in Vietnam	3	X	Journal of Law and Political Sciences, P. ISSN 2222-7288; E. ISSN 2518-5551	ISI, IF: 1.451		Vol. (33), issue 2- 2022, Page No. 373-393	2022
33	SME financing role in developing business environment and economic growth: empirical evidences from technical SMEs in Vietnam	8	X	Environmental Science and Pollution Research, ISSN: 0944-1344	ISI + Scopus (IF: 4.089, Q1)		Vol. (29); Issue 14, Page No. 1-14	3/2022
34	The Role of Financial Inclusion, Green Investment and Green Credit on Sustainable Economic Development: Evidence from Vietnam	6		Cuadernos de Economía (Spanish Journal of Economics and Finance), ISSN: 0210-0266	ISI + Scopus (IF: 0.525, Q3)		Volume 45, Issue 127 (2022), Page No. 1-10	2022
35	Rice Farmers' Perception and Determinants of Climate Change Adaptation Measures: A Case Study in Vietnam	8		AgBioForum (The Journal of Agribiotechnology Management and Economics), ISSN: 1522936X	Scopus (IF: 1.597, Q2)		Volume 24 (1), Page No. 13-29	2022
36	Thúc đẩy hợp tác liên kết sản xuất – tiêu thụ sản phẩm cây dược liệu ở Đắk Nông theo chuỗi giá trị	1	X	Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương, ISSN 0868-3808			Số 610, tr.70-72	5/2022
37	Phát triển cây dược liệu trên địa bàn huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An	2	X	Tạp chí Kinh tế và Dự báo, ISSN 0866-7120			số 13 (5/2022), tr.93-96	5/2022
38	Giải pháp thúc đẩy phát triển chợ truyền thống ở tỉnh Nghệ An	2	X	Tạp chí Công Thương, ISSN 0866-7756			số 11, tháng 5 – 2022, tr.78-83.	5/2022

- Trong đó: có 06 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà ứng viên là tác giả chính sau TS, số thứ tự: [26], [27]. [28], [31], [32], [33]. Cụ thể:

(1). Nguyen, H., **Tran Thi Hoang Mai**, other authors (2021). The Influence of Competitive Advantage on Financial Performance: A Case Study of SMEs in Vietnam. *The Journal of Asian Finance, Economics and Business*, 8(5), 335–343 (**Scopus (IF: 0.845, Q3)**).

(2). Hoang Thi Hang, **Tran Thi Hoang Mai**, another author (2021). Assessment Of International Tourist’s Satisfaction with Service Quality At Tam Coc – Bich Dong In Ninh Binh Province, Vietnam, *Journal of Law and Political Sciences*, Vol. 29, issue 4- 2021, 229-250 (**ISI, IF: 1.451**).

(3). **Tran Thi Hoang Mai**, Le Phuong Nam, other authors (2021). Factors affecting decision and willingness to pay to connect to pipe water of households a case study in Vietnam, *Academy of Strategic Management Journal*, Volume 20, Special Issue 6, 2021 (**Scopus (IF: 1.032, Q3), H Index = 17, First Author**).

(4). Phan Anh Tu, **Tran Thi Hoang Mai**, other authors (2022). The Role of Opportunity Exploration, Exploitation and Corporate Social Responsibilities on Sustainable Manufacturing Business Performance in Mekong River Delta, *Studies of Applied Economics (Estudios de Economia Aplicada)*, Volume 40-1, January 2022 (**Scopus (IF: 0.918, Q4)**).

(5). Phung Van Hien, **Tran Thi Hoang Mai**, other authors. State investment in education and training in Vietnam (2022), *Journal of Law and Political Sciences*, Vol. (33), issue 2-2022 (**ISI, IF: 1.451**).

(6). Van S. N., **Tran Thi Hoang Mai**, other authors (2022). SME financing role in developing business environment and economic growth: empirical evidences from technical SMEs in Vietnam, *Environmental Science and Pollution Research*, 1-13, (**ISI + Scopus (IF: 4.089, Q1), H Index = 113**).

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Xây dựng, phát triển chương trình đào tạo Đại học ngành Kế toán theo tiếp cận CDIO (2016)	Tham gia	Hợp đồng số 01/2016/KH CNTĐ ngày 16/6/2016	Trường Đại học Vinh	QĐ số 747/QĐ-ĐHV, ngày 27 tháng 04 năm 2017 về Ban hành chương trình đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ, áp dụng đào tạo từ K58	
2	Xây dựng, phát triển chương trình đào tạo Đại học ngành Tài chính Ngân hàng theo	Tham gia	Hợp đồng số 02/2016/KH CNTĐ ngày 16/6/2016	Trường Đại học Vinh	QĐ số 747/QĐ-ĐHV, ngày 27 tháng 04 năm 2017 về Ban hành chương trình đào tạo đại học hệ chính quy	

	tiếp cận CDIO (2016)				tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ, áp dụng đào tạo từ K58	
3	Xây dựng, phát triển chương trình đào tạo Đại học ngành Quản trị kinh doanh theo tiếp cận CDIO (2016)	Tham gia	Hợp đồng số 03/2016/KH CNTĐ ngày 16/6/2016	Trường Đại học Vinh	QĐ số 747/QĐ-ĐHV, ngày 27 tháng 04 năm 2017 về Ban hành chương trình đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ, áp dụng đào tạo từ K58	
4	Xây dựng, phát triển chương trình đào tạo Đại học ngành Kinh tế (chuyên ngành Kinh tế đầu tư) theo tiếp cận CDIO (2016)	Tham gia	Hợp đồng số 04/2016/KH CNTĐ ngày 16/6/2016	Trường Đại học Vinh	QĐ số 747/QĐ-ĐHV, ngày 27 tháng 04 năm 2017 về Ban hành chương trình đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ, áp dụng đào tạo từ K58	
5	Nghiên cứu, đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức Khối kiến thức chung quản trị theo tiếp cận CDIO	Chủ trì	Hợp đồng số 48/2018/KHCN Tr-CB ngày 16/4/2018	Trường Đại học Vinh	Áp dụng đào tạo từ K58, năm học 2017-2018	
6	Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá khối kiến thức quản lý kinh tế tiếp cận CDIO	Tham gia	Hợp đồng số 24/2018/KHCN Tr-CB ngày 16/4/2018	Trường Đại học Vinh	Áp dụng đào tạo từ K58, năm học 2017-2018	
7	Xây dựng, phát triển chương trình đào tạo Sau Đại học ngành Kinh tế học (chuyên ngành Kinh tế chính trị) bậc thạc sỹ	Tham gia	Quyết định số 5329/QĐ-BGDĐT ngày 29/11/2012	Trường Đại học Vinh	QĐ số 2009/QĐ-ĐHV, ngày 21 tháng 9 năm 2017, về việc ban hành Khung chương trình đào tạo các chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sỹ của cơ sở đào tạo sau đại học Trường Đại học Vinh. Áp dụng đào tạo từ khóa 25 (2017-2019)	

8	Xây dựng, phát triển chương trình đào tạo Sau Đại học ngành Kinh tế học (chuyên ngành Quản lý kinh tế) bậc thạc sỹ	Tham gia	Quyết định số 5301/QĐ-BGDĐT ngày 08/11/2016	Trường Đại học Vinh	QĐ số 2009/QĐ-ĐHV, ngày 21 tháng 9 năm 2017, về việc ban hành Khung chương trình đào tạo các chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sỹ của cơ sở đào tạo sau đại học Trường Đại học Vinh, Áp dụng đào tạo từ khóa 25 (2017-2019)	
9	Xây dựng, phát triển chương trình đào tạo Sau Đại học ngành Kinh tế (chuyên ngành Quản lý kinh tế) bậc tiến sỹ	Tham gia	Quyết định số 4399/QĐ-BGDĐT ngày 17/10/2017	Trường Đại học Vinh	Áp dụng đào tạo từ khóa (2018-2021)	
10	Xây dựng, phát triển chương trình đào tạo Sau Đại học ngành Quản trị kinh doanh bậc thạc sỹ	Tham gia	QĐ số 2476/QĐ-ĐHV, ngày 18 tháng 9 năm 2020 về việc mở ngành đào tạo trình độ thạc sỹ Quản trị kinh doanh theo hình thức giáo dục chính quy, mã ngành 8.34.01.01 của Trường Đại học Vinh.	Trường Đại học Vinh	Áp dụng đào tạo từ khóa 28 (2020-2022)	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*: Không có.

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Nghệ An, ngày 22 tháng 06 năm 2022

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**



**TS. Trần Thị Hoàng Mai**